

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị N, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Tô Như T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Khóm X, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N và anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị N và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/11/2018. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu

thuần và vợ chồng đã ly thân với nhau từ ngày 24/10/2019 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với **anh Tô Như T**.

+ **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 con chung là Tô Như N (sinh ngày 22/8/2019). Hiện nay, cháu N đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ **Về tài sản chung:** Không có.

+ **Về nợ chung:** Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- **Bị đơn anh Tô Như T trình bày:** Anh T và chị N sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **thị trấn T** đúng như lời trình bày của **chị N**. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên **anh T** đồng ý ly hôn theo yêu cầu **của chị N**.

+ **Về nuôi con chung:** Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 con chung là Tô Như N (sinh ngày 22/8/2019). Hiện nay, cháu N đang sống chung với chị N. Hiện tại anh T đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng nhưng anh T yêu cầu mỗi năm anh và chị N thay phiên nuôi dưỡng con, chị N nuôi một năm thì năm sau anh nuôi con.

+ **Về tài sản chung:** Không có.

+ **Về nợ chung:** Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc chị Lê Thị N khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn anh Tô Như T hiện nay đang trú tại **TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**

nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N có đơn xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/11/2018. Do đó hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Đến ngày 24/10/2019 thì chị N và anh T ly thân cho đến nay vẫn không tự hàn gắn lại được. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời chị N và anh T đều đồng ý ly hôn nên xét cho chị N và anh T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 01 con chung là Tô Như N (sinh ngày 22/8/2019). Hiện nay, cháu N đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng nhưng anh T yêu cầu mỗi năm anh và chị N thay phiên nuôi dưỡng con, chị N nuôi một năm thì năm sau anh nuôi con.

Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu N đang sống với chị N. Mặt khác, hiện nay cháu N còn dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu N, căn cứ vào Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Lê Thị N được ly hôn với anh Tô Như T.

2/ Về con chung: Giao cháu Tô Như N (sinh ngày 22/8/2019) cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Tô Như T không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị N không có yêu cầu).

Anh Tô Như T được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Tô Như N, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí:

Chị Lê Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số BH/2018/0005997, quyển số 0000120 ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Tòa án Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang